

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC TÍCH HỢP PHẦN MỀM BÁN HÀNG VÀ PHẦN MỀM XUẤT HÓA ĐƠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH BÁN LẺ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

● ĐÀO THU HÀ - NGUYỄN THỊ HẢI DUYÊN

TÓM TẮT:

Mục đích của bài viết nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng tới việc tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nhóm nghiên cứu đã thu thập dữ liệu thông qua khảo sát câu hỏi bằng bảng câu hỏi Google form và phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS AMOS. Nghiên cứu đã chỉ ra có 5 nhân tố tác động tới việc tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ trên địa bàn thành phố Hà Nội, đó là: Quy định của Luật pháp; Sự linh hoạt; Sự hữu ích; Ngân sách và Chi phí; Sự tin tưởng. Một số khuyến nghị được đưa ra để nâng cao tỷ lệ tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ khóa: phần mềm bán hàng, phần mềm xuất hóa đơn, doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ, TP. Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Theo điều 89 Luật Quản lý thuế 2019 và điều 3 Nghị định 123, hóa đơn điện tử (HĐĐT) có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập bằng phương tiện điện tử để ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

Bắt đầu triển khai từ ngày 25/12/2022, đến hết

năm 2023, đã có 63/63 Cục Thuế triển khai việc rà soát đối tượng thuộc diện triển khai HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế và từng Cục Thuế đã lập kế hoạch triển khai cho năm 2023. Cả nước đã có 40.355 cơ sở kinh doanh đã đăng ký sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT đạt 94,36% so với kế hoạch. Số lượng HĐĐT khởi tạo từ MTT sử dụng là 104,8 triệu hóa đơn - bình quân đạt 2.597 hóa đơn/CSKD. Một số Cục Thuế địa phương áp dụng thực hiện HĐĐT đạt kết quả tốt như TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Đồng Nai, Quảng Ninh. (Trung Kiên, 2024)

Để tìm hiểu về những kinh nghiệm của TP. Hà Nội, tác giả đã tập trung nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới việc tích hợp phần mềm xuất hóa đơn và phần mềm bán hàng đối với các doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Các nghiên cứu liên quan

2.1. Các nghiên cứu về việc ứng dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp

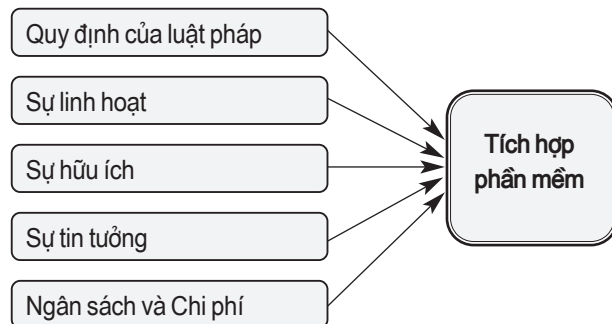
Nghiên cứu “Các nhân tố tác động đến việc ứng dụng hóa đơn điện tử trên các phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” của Nguyễn Văn Dũng đã đưa ra được 8 nhóm tiêu chí để xác định các nhân tố tác động đến việc ứng dụng hóa đơn điện tử trên các phần mềm kế toán, gồm có: “Chi phí để mua hóa đơn điện tử, cơ sở hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng hóa đơn điện tử, hỗ trợ doanh nghiệp, an toàn và bảo mật chính xác, kiểm soát nội bộ, hỗ trợ khách hàng, nguồn nhân lực, tính pháp lý”. Thông qua kết quả phân tích dựa trên 270 mẫu khảo sát, tác giả kết luận cả 8 nhóm nhân tố đều tác động đến việc ứng dụng hóa đơn điện tử trên các phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp.

2.2. Nghiên cứu thực trạng tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn

Theo bài đăng “Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: Cần nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật hướng đến bắt buộc” của Văn Tuấn thông qua sự phỏng vấn PGS.TS. Lê Xuân Trường cho biết Bộ Tài chính đã chỉ đạo Tổng cục Thuế chuẩn bị các điều kiện cần thiết và vận hành hệ thống phát hành hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền từ ngày 25/12/2022. Bài báo cũng đưa ra được lợi ích của hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có nhiều khó khăn, thách thức đặt ra. Bài báo đưa ra 4 phương án để khắc phục các khó khăn trên. Kết quả đạt được sau một tháng triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền là 62/63 Cục Thuế báo cáo triển khai giai đoạn 1, với tổng số người nộp thuế sẽ triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền là 3.901 cơ sở kinh doanh; trong đó, có 1.831 doanh nghiệp là và 2.070 hộ cá nhân kinh doanh.

Thông qua việc xem xét các nghiên cứu liên quan đến đề tài, nhóm tác giả đã đưa ra 5 giả thuyết để phân tích các nhân tố tác động đến việc tích hợp phần mềm và phần mềm xuất hóa đơn điện tử: Quy

Hình 1: Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới việc tích hợp phần mềm



định của Luật pháp, Sự linh hoạt, Sự hữu ích, Ngân sách và Chi phí, Sự tin tưởng. (Hình 1)

Giả thuyết H₁: Quy định của Luật pháp có ảnh hưởng tích cực đến Tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn TP. Hà Nội.

Giả thuyết H₂: Sự linh hoạt có ảnh hưởng tích cực đến Tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn TP. Hà Nội.

Giả thuyết H₃: Sự hữu ích có ảnh hưởng tích cực đến Tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn TP. Hà Nội.

Giả thuyết H₄: Ngân sách và Chi phí có ảnh hưởng tích cực đến Tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn TP. Hà Nội.

Giả thuyết H₅: Sự tin tưởng có ảnh hưởng tích cực đến Tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ địa bàn TP. Hà Nội.

3. Kết quả nghiên cứu

Dữ liệu sau khi thu thập và loại bỏ các quan sát không phù hợp, nhóm tác giả thu được 291 phiếu trả lời khảo sát hợp lệ.

Dựa trên Hình 1, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình hồi quy đa biến để phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố. Mô hình bao gồm 5 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc. Độ tin cậy của thang đo được đánh giá thông qua 3 kỹ thuật, gồm: (1) Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, (2) Phân tích nhân tố khám phá EFA và (3) Phân tích hồi quy và tương quan.

3.1. Phân tích Cronbach's Alpha (Bảng 1)

3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA (Bảng 2)

Bảng 1. Kiểm định thang đo

STT	Các yếu tố	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Quy định của luật pháp		Cronbach's Alpha = 0.821	
1	Người mua được bảo vệ quyền lợi của mình khi mua hàng	0.735	0.735
2	Cơ quan thuế xây dựng được cơ sở dữ liệu về hóa đơn	0.633	0.633
3	Khắc phục được tình trạng gian lận, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn	0.641	0.641
4	Ngăn chặn kịp thời hóa đơn của doanh nghiệp bỏ trốn mất tích, tránh tình trạng gian lận trốn thuế	0.572	0.572
Sự linh hoạt		Cronbach's Alpha = 0.774	
1	Tối ưu hóa quy trình kinh doanh của doanh nghiệp bằng cách tự động hóa các hoạt động liên quan đến bán hàng và xuất hóa đơn	0.546	0.736
2	Tăng cường tính chính xác nhất quán trong thông tin của đơn hàng và hóa đơn xuất cho khách hàng	0.610	0.703
3	Tạo ra trải nghiệm mua sắm thuận tiện cho khách hàng	0.558	0.730
4	Giúp doanh nghiệp theo dõi và quản lý hàng tồn kho một cách chính xác	0.594	0.710
Sự hữu ích		Cronbach's Alpha = 0.849	
1	Khắc phục rủi ro làm mất, hỏng, cháy khi sử dụng hóa đơn giấy do hệ thống lưu trữ hóa đơn điện tử được sao lưu	0.551	0.839
2	Góp phần tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh cho doanh nghiệp	0.646	0.822
3	Giúp việc triển khai thương mại điện tử được hoàn thiện hơn	0.656	0.820
4	Doanh nghiệp không cần nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, tránh được việc nộp chậm hoặc không nộp báo cáo dẫn đến bị xử phạt vi phạm hành chính	0.645	0.822
5	Phần mềm có công cụ phân tích dữ liệu và dự đoán thông minh giúp doanh nghiệp đưa ra chiến lược kinh doanh hiệu quả và tối ưu hóa doanh thu	0.578	0.835
6	Hóa đơn được gửi tới khách hàng kịp thời và nhanh chóng	0.722	0.807
Ngân sách và chi phí		Cronbach's Alpha = 0.804	
1	Giúp doanh nghiệp giảm thiểu chi phí so với sử dụng hóa đơn giấy (chi phí giấy in, mực in, vận chuyển, lưu trữ....) 0.687	0.720	
2	Giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế	0.638	0.745
3	Cơ quan thuế và cơ quan quản lý giảm chi phí. thời gian đối chiếu hóa đơn	0.628	0.750
4	Doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí nhân lực	0.524	0.798

STT	Các yếu tố	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
<i>Sự tin tưởng</i>		<i>Cronbach's Alpha = 0.785</i>	
1	Sau khi nhận được hóa đơn điện tử, người mua có thể biết chính xác thông tin hóa đơn người bán cung cấp	0.608	0.725
2	Hóa đơn điện tử cung cấp đầy đủ thông tin hai bên và có giá trị pháp lý, giúp khách hàng yên tâm khi mua bán, trao đổi giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế	0.603	0.727
3	Phần mềm có tính năng bảo mật, giúp đảm bảo an toàn thông tin khách hàng	0.583	0.738
4	Hóa đơn điện tử tăng cường sự minh bạch, từ đó nâng cao sự tin tưởng giữa người mua và người bán	0.575	0.742
<i>Tích hợp phần mềm</i>		<i>Cronbach's Alpha = 0.811</i>	
1	Phần mềm dễ sử dụng, giao diện đẹp, mang lại hiệu quả tốt	.659	.750
2	Giá cả phần mềm hợp lý, phù hợp với doanh nghiệp	.615	.771
3	Phần mềm quản lý báo cáo bán hàng tự động đầy đủ và chính xác	.601	.777
4	Tiết kiệm thời gian, chi phí nhân lực, tăng hiệu suất làm việc	.646	.756

Bảng 2. Componet matrix

Component Matrix ^a					
	Component				
	1	2	3	4	5
HI2	.749				
HI3	.744				
HI4	.719				
HI5	.686				
HI1	.674				
HI6	.641	.623			
CP1	.622				.581
LH2		.765			
LH3		.738			
LH4		.702			
LH1		.681			
TT2			.763		
TT3			.753		

Component Matrix ^a					
	Component				
	1	2	3	4	5
TT4			.718		
TT1	.		.681		
PL3				.803	
PL2				.765	
PL4				.680	
PL1			.605	.645	
CP3					.782
CP2					.756
CP1					.698
Extraction Method: Principal Component Analysis. Rotation Method: Promax with Kaiser Normalization.					
a. Rotation converged in 5 iterations.					

Ở lần phân tích nhân tố khám phá lần thứ hai sau khi đã loại hết biến xấu, hệ số KMO = 0,915 > 0,5; sig. của kiểm định Bartlett < 0,001 < 0,05 cho thấy tập dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố khám phá. Giá trị Eigenvalue > 1 tại nhân tố thứ năm và tổng phương sai trích = 59,450% > 50% điều này chứng tỏ 59,450% sự biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 4 nhân tố được đo lường thông qua 19 biến quan sát và hoàn toàn phù hợp.

3.3. Phân tích tương quan

3.3.1. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Phân tích hồi quy được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập: (1) Quy định của Luật Pháp; (2) Sự linh hoạt; (3) Sự hữu ích; (4) Ngân sách và chi phí; (5) Sự tin tưởng

Kết quả phân tích hồi quy ta có, hệ số R = 0,825 cho thấy mối quan hệ giữa các biến trong mô hình có mối tương quan chặt chẽ. Báo cáo kết quả hồi quy của mô hình cho thấy giá trị $R^2 = 0.681$, điều này nói lên độ thích hợp của mô hình là 68,1%, hay nói cách khác là, 68,1% sự biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích bởi 5 nhân tố trong mô hình. Giá trị R^2 hiệu chỉnh phản ánh chính xác hơn sự phù hợp của mô hình so với

với tổng thể, ta có giá trị R^2 hiệu chỉnh bằng 0,676 (hay 67,6%) với kiểm định F có sig. = 0.000 (< 0,05) có nghĩa là tồn tại mô hình hồi quy tuyến tính giữa sự hài lòng và 5 nhân tố ảnh hưởng.

Sau khi thực hiện các phép kiểm định hồi quy so với tổng thể ta thấy mô hình không vi phạm các giả thuyết kiểm định và có ý nghĩa thống kê. Từ kết quả xem xét mức ý nghĩa các biến độc lập trong mô hình hồi quy ta thấy tất cả các biến độc lập đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc (sig. < 0.05). Hằng số có sig. = 0.07 (> 0.05) nên hằng số sẽ không được đưa vào phương trình hồi quy. Mối quan hệ giữa biến phụ thuộc với 4 biến độc lập được thể hiện trong phương trình sau:

Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa:

$$TH = 0,189 * PL + 0,315 * LH + 0,336 * HI + 0,128 * CP + 0,214 * TT$$

Phương trình hồi quy chuẩn hóa:

$$TH = 0,188 * PL + 0,306 * LH + 0,323 * HI + 0,131 * CP + 0,217 * TT$$

3.3.2. Hệ số hồi quy chuẩn hóa

Kết quả phân tích cho thấy, tất cả các giả thuyết nghiên cứu đặt ra ban đầu đều được chấp nhận. (Bảng 4)

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Độ lệch chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai
1	Hằng số	-.308	.170		-1.817	.070		
	PL	.189	.039	.188	4.871	.000	.749	1.335
	LH	.315	.041	.306	7.774	.000	.724	1.381
	HI	.336	.040	.323	8.484	.000	.770	1.299
	CP	.128	.038	.131	3.356	.001	.734	1.362
	TT	.214	.038	.217	5,583	.000	.740	1.352
R		0,825						
R^2		0,681						
R^2 hiệu chỉnh		0,676						
Durbin-Watson		2.055						
F		Sig. = 0,000						

Bảng 4. Xác định tầm quan trọng của các biến độc lập theo tỷ lệ %

STT	Biến	Beta chuẩn hóa	%	Thứ tự ảnh hưởng
1	PL	0,188	16,14	4
2	LH	0,306	26,27	2
3	HI	0,323	27,72	1
4	CP	0,131	11,24	5
5	TT	0,217	18,63	3
Tổng		1,165	100%	

Như vậy, thứ tự ảnh hưởng của các nhân tố đến Tích hợp phần mềm bán hàng và phần mềm xuất hóa đơn đối với các doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn TP. Hà Nội như sau: thứ nhất là Sự hữu ích; thứ hai là Sự linh hoạt; thứ ba là Sự tin tưởng; thứ tư là Quy định của Pháp luật và cuối cùng là Ngân sách và Chi phí.

4. Khuyến nghị

Đối với Chính phủ

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật quy định về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, theo đó cần nhanh chóng luật hóa ở cấp văn bản quy phạm pháp luật cụ thể buộc các doanh nghiệp phải

thực hiện hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo lộ trình nhanh, có chế tài xử lý đối với các doanh nghiệp cố tình trì hoãn.

Hai là, quản lý sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đúng quy trình, hợp lý phù hợp với quy định của Nhà nước.

Ba là, cần theo dõi và điều chỉnh nguồn hóa đơn điện tử một cách hợp lý, cẩn thận.

Đối với các doanh nghiệp

Thứ nhất, doanh nghiệp phải là tổ chức kinh tế có đủ điều kiện và đang thực hiện giao dịch điện tử trong khai thuế với cơ quan thuế; hoặc là tổ chức kinh tế có sử dụng giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, có đội ngũ người thực thi đủ trình độ, khả năng tương xứng với yêu cầu để thực hiện việc khởi tạo, lập, sử dụng hoá đơn điện tử theo quy định.

Thứ hai, đảm bảo về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền từ khi thông tin được tạo ra ở dạng cuối cùng là hóa đơn điện tử.

Thứ ba, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền của doanh nghiệp sử dụng phải hợp lệ, hợp pháp đảm bảo nguyên tắc: xác định được số hóa đơn theo nguyên tắc liên tục và trình tự thời gian, mỗi số hóa đơn đảm bảo chỉ được lập và sử dụng một lần duy nhất ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Tài chính (2011). Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 hướng dẫn về khởi tạo, phát hành, sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
2. Bộ Tài chính (2014). Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
3. Chính phủ (2018). Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
4. Dũng, N.V (2019). Các nhân tố tác động đến việc ứng dụng hóa đơn điện tử trên các phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Truy cập tại <https://vjol.info.vn/index.php/jslhukt/article/view/67459/57030>
5. Tuấn, V (2023). Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: Cần nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật hướng đến bắt buộc. Truy cập tại <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/hoa-don-dien-tu-khoi-tao-tu-may-tinh-tien-can-nghien-cuu-hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-huong-den-bat-buoc-121592.html>

6. Trung Kiên (2024). Để nhân rộng việc triển khai hóa đơn điện tử từ máy tính tiền: Cần sự vào cuộc của các cấp các ngành ở địa phương. Truy cập tại <https://thuenhanuoc.vn/tapchi/chuyen-muc/thoi-su/tin-hot/19017c89-8d7f-4703-96fa-98168403a384>

Ngày nhận bài: 22/3/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/4/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/4/2024

Thông tin tác giả:

1. ThS. ĐÀO THU HÀ

2. Sinh viên NGUYỄN THỊ HẢI DUYÊN

Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

FACTORS AFFECTING THE INTEGRATION OF SALES SOFTWARE AND INVOICING SOFTWARE IN RETAIL BUSINESSES IN HANOI

● Master. **DAO THU HA**¹

● **NGUYEN THI HAI DYEN**¹

¹Faculty of Accounting - Auditing, Hanoi University of Industry

ABSTRACT:

This study identified the factors affecting the integration of sales software and invoicing software in retail businesses in Hanoi. In this study, data was collected through a Google Forms-based questionnaire, and then the data was analyzed through SPSS AMOS software. The study found that there are five factors affecting the integration of sales software and invoicing software for retail businesses in Hanoi, including: regulations, flexibility, helpfulness, budget and costs, and trust. Some recommendations were made to improve the integration of sales software and invoicing software for retail businesses in Hanoi.

Keywords: sales software, invoicing software, retail business, Hanoi.